

Số: 36/NQ-HĐND

Thới An Đông, ngày 06 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết
phân bổ dự toán ngân sách năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG THỚI AN ĐÔNG
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 1668/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Cần Thơ năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 204/NQ-HĐND ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2025 của thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 205/NQ-HĐND ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết phân bổ dự toán ngân sách năm 2025 của thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp thành phố cho ngân sách phường Thới An Đông năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1098/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc bổ sung có mục tiêu cho ngân sách xã, phường để tặng quà nhân dân nhân dịp kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9;

Căn cứ Quyết định số 1288/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp thành phố cho ngân sách các xã, phường năm 2025 để tổ chức Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030;



Căn cứ Quyết định số 1350/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc bổ sung có mục tiêu về ngân sách các xã, phường để thực hiện các chính sách an sinh xã hội năm 2025 trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 1447/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp thành phố cho ngân sách phường Thới An Đông;

Căn cứ Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp thành phố cho ngân sách các xã, phường năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1930/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc bổ sung có mục tiêu về ngân sách các xã, phường trên địa bàn thành phố Cần Thơ để thực hiện việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1960/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc bổ sung có mục tiêu về ngân sách các xã, phường trên địa bàn thành phố Cần Thơ năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1975/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc bổ sung có mục tiêu về ngân sách các xã, phường trên địa bàn thành phố Cần Thơ năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2086/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc bổ sung có mục tiêu về ngân sách các xã, phường trên địa bàn thành phố Cần Thơ năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Thới An Đông về việc phân bổ dự toán thu ngân ngân sách năm 2025;

Xét Tờ trình số 30/TTr-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết phân bổ dự toán ngân sách năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung phân bổ dự toán ngân sách năm 2025 của phường Thới An Đông, như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung tổng dự toán thu ngân sách địa phương năm 2025:
 - Bổ sung dự toán thu có mục tiêu từ ngân sách thành phố: 33.147,14 triệu đồng.
 - Tổng dự toán thu ngân sách địa phương: 155.670,14 triệu đồng.
2. Điều chỉnh, bổ sung tổng dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025:

- Bổ sung dự toán chi có mục tiêu từ ngân sách thành phố: 33.147,14 triệu đồng.
- Tổng dự toán chi ngân sách địa phương: 142.391,14 triệu đồng.

(Kèm theo Phụ lục I, II, III, IV, V)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân phường tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

2. Hội đồng nhân dân giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân phường giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường Thới An Đông khóa XII, kỳ họp thứ tư thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 11 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND thành phố Cần Thơ;
- UBND thành phố Cần Thơ;
- Sở Tài chính thành phố Cần Thơ;
- Kho bạc nhà nước khu vực XIX;
- Thuế cơ sở 3 thành phố Cần Thơ;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND phường;
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- UBMTTQVN phường;
- Đại biểu HĐND phường;
- Các Phòng, Ban, ngành phường;
- Trang thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lê Hoàng Thủy Trinh





Phụ lục I

**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025
SAU KHI ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 06 tháng 11 năm 2025
của Hội đồng nhân dân phường Thới An Đông)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán sau sắp nhập	Dự toán điều chỉnh, bổ sung	Dự toán sau khi điều chỉnh, bổ sung
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=1+2</i>
A	NGÂN SÁCH PHƯỜNG			
I	Nguồn thu ngân sách	122.523	33.147,14	155.670,14
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	6.314		6.314
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	103.754	33.147,14	136.901,14
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	103.754		103.754
-	Thu bổ sung có mục tiêu	-	33.147,14	33.147,14
-	Thu từ 10% tiết kiệm chi thường xuyên			
3	Thu kết dư	2.649		2.649
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	9.806		9.806
II	Chi ngân sách	109.244	33.147,14	142.391,14
1	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	109.244	-	109.244
	Chi đầu tư phát triển	-		-
	Chi thường xuyên	107.102		107.102
	Dự phòng ngân sách	2.142		2.142
2	Chi các chương trình mục tiêu	-	33.147,14	33.147,14
	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			
	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ		33.147,14	33.147,14
	Kinh phí để thực hiện chi lương và hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động từ thành phố, cấp huyện chuyển về cấp xã công tác, luân chuyển qua lại giữa các xã, phường và thực hiện các nhiệm vụ sự nghiệp dịch vụ công ích		4.000	4.000
	Kinh phí để thực hiện mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin thông dụng		256	256
	Kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ chi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã		500	500
	Kinh phí để thực hiện việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015		26	26,4

STT	Nội dung	Dự toán sau sáp nhập	Dự toán điều chỉnh, bổ sung	Dự toán sau khi điều chỉnh, bổ sung
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=1+2</i>
	Kinh phí thực hiện chính sách tặng quà nhân dân dịp kỷ niệm 80 năm cách mạng tháng 8 và Quốc khánh 2/9		3.421	3.421
	Kinh phí thực hiện chính sách an sinh xã hội		6.539	6.539
	Kinh phí thực hiện chi trả chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ		18.134,74	18.134,74
	Kinh phí để tổ chức Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã nhiệm kỳ 2025-2030		270	270
3	Chi nộp ngân sách cấp trên			



Phụ lục II

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG
THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025 SAU KHI ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 06 tháng 11 năm 2025
của Hội đồng nhân dân phường Thới An Đông)

Dvt: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán sau sáp nhập	Dự toán điều chỉnh, bổ sung	Dự toán sau khi điều chỉnh, bổ sung
A	B	I	2	3=I+2
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	109.244	33.147,14	142.391,14
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	109.244	-	109.244
I	Chi đầu tư phát triển	-		-
II	Chi thường xuyên	107.102		107.102
	Trong đó:	-		-
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	77.568		77.568
2	Chi khoa học và công nghệ	-		-
III	Dự phòng ngân sách	2.142		2.142
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU		33.147,14	33.147,14
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ		33.147,14	33.147,14
1	Chi đầu tư			
2	Chi thường xuyên		33.147,14	33.147,14
	- Vốn ngoài nước			
	- Vốn trong nước		33.147,14	33.147,14
	Kinh phí để thực hiện chi lương và hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động từ thành phố, cấp huyện chuyển về cấp xã công tác, luân chuyển qua lại giữa các xã, phường và thực hiện các nhiệm vụ sự nghiệp dịch vụ công ích		4.000	4.000
	Kinh phí để thực hiện mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin thông dụng		256	256
	Kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ chi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã		500	500
	Kinh phí để thực hiện việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015		26,4	26,4

STT	Nội dung	Dự toán sau sáp nhập	Dự toán điều chỉnh, bổ sung	Dự toán sau khi điều chỉnh, bổ sung
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=1+2</i>
	<i>Kinh phí thực hiện chính sách tặng quà nhân dân dịp kỷ niệm 80 năm cách mạng tháng 8 và Quốc khánh 2/9</i>		3.421	3.421
	<i>Kinh phí thực hiện chính sách an sinh xã hội</i>		6.539	6.539
	<i>Kinh phí thực hiện chi trả chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ</i>		18.134,74	18.134,74
	<i>Kinh phí để tổ chức Đại hội đại biểu Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã nhiệm kỳ 2025-2030</i>		270	270
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			



Phụ lục III

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
SAU KHI ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 06 tháng 11 năm 2025
của Hội đồng nhân dân phường Thới An Đông)*

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán sau sáp nhập	Dự toán điều chỉnh, bổ sung	Dự toán sau khi điều chỉnh, bổ sung
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3=I+2</i>
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (A+B)	109.244	33.147,14	142.391,14
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THEO LĨNH VỰC	109.244	-	109.244
I	Chi đầu tư phát triển	-		-
II	Chi thường xuyên	107.102	-	107.102
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	77.568		77.568
	- Chi sự nghiệp giáo dục	77.568		77.568
	- Chi đào tạo	-		-
2	Chi khoa học và công nghệ	-		-
3	Chi quốc phòng	3.833		3.833
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	3.445		3.445
5	Chi y tế, dân số và gia đình	-		-
6	Chi văn hóa thông tin	391		391
7	Chi phát thanh	65		65
8	Chi thể dục thể thao	60		60
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	21.281		21.281
	- Quản lý nhà nước	10.609		10.609
	- Đảng	5.164		5.164
	- Đoàn thể, các tổ chức kinh tế XH	5.508		5.508
10	Chi bảo đảm xã hội	459		459
11	Chi thường xuyên khác	-		-
III	Dự phòng ngân sách	2.142		2.142
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	-	33.147,14	33.147,14
I	Chi đầu tư:			
II	Chi sự nghiệp	-	33.147,14	33.147,14
1	Vốn ngoài nước			
2	Vốn trong nước		33.147,14	33.147,14

STT	Nội dung	Dự toán sau sáp nhập	Dự toán điều chỉnh, bổ sung	Dự toán sau khi điều chỉnh, bổ sung
A	B	I	2	3=I+2
	Kinh phí để thực hiện chi lương và hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động từ thành phố, cấp huyện chuyển về cấp xã công tác, luân chuyển qua lại giữa các xã, phường và thực hiện các nhiệm vụ sự nghiệp dịch vụ công ích		4.000	4.000
	Kinh phí để thực hiện mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin thông dụng		256	256
	Kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ chi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã		500	500
	Kinh phí để thực hiện việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015		26,4	26,4
	Kinh phí thực hiện chính sách tặng quà nhân dân dịp kỷ niệm 80 năm cách mạng tháng 8 và Quốc khánh 2/9		3.421	3.421
	Kinh phí thực hiện chính sách an sinh xã hội		6.539	6.539
	Kinh phí thực hiện chi trả chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ		18.134,74	18.134,74
	Kinh phí để tổ chức Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã nhiệm kỳ 2025-2030		270	270



Phụ lục IV

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025 SAU KHI ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG

(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Thới An Đông)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán sau sáp nhập									Dự toán điều chỉnh, bổ sung								Dự toán sau khi điều chỉnh, bổ sung									
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
	TỔNG SỐ	109.244	-	107.102	2.142	-	-	-	-	-	33.147,14					-	-	33.147,14	-	142.391,14		107.102	2.142		-	-	33.147,14	-
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	107.102	-	107.102	-	-	-	-	-	-						-	-	107.102	-	107.102	-	107.102	-	-	-	-	-	-
1	Văn phòng Đảng ủy	5.164		5.164															-	5.164		5.164						
2	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường	5.508		5.508															-	5.508		5.508						
3	Văn phòng HĐND và UBND	18.862		18.862															-	18.862		18.862						
4	Trường Mầm non Hoa Hồng	3.153		3.153															-	3.153		3.153						
5	Trường Mầm non Thới An Đông	4.014		4.014															-	4.014		4.014						
6	Trường Mầm non Trà An	4.436		4.436															-	4.436		4.436						
7	Trường Tiểu học Trà An	8.439		8.439															-	8.439		8.439						
8	Trường Tiểu học Trà Nóc 2	8.349		8.349															-	8.349		8.349						
9	Trường Tiểu học Trà Nóc 4	6.440		6.440															-	6.440		6.440						
10	Trường Tiểu học Thới An Đông 1	7.911		7.911															-	7.911		7.911						
11	Trường Tiểu học Thới An Đông 2	4.790		4.790															-	4.790		4.790						
12	Trường Trung học cơ sở Trà An	19.393		19.393															-	19.393		19.393						
13	Trường Trung học cơ sở Thới An Đông	9.752		9.752															-	9.752		9.752						
14	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ phát sinh đột xuất	891		891															-	891		891						
II	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	2.142			2.142														-	2.142		-	2.142					
III	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	-																	-									
IV	CHI BỔ SUNG CỐ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	-						-			-						-		-						-			
V	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ	-									33.147,14	-	-	-	-	-	-	33.147,14	-	33.147,14	-	-	-	-	-	-	33.147,14	-
1	Văn phòng Đảng ủy										4.378,59							4.378,59		4.378,59							4.378,59	
2	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường										4.760,96							4.760,96		4.760,96							4.760,96	
3	Văn phòng HĐND và UBND										15.814,68							15.814,68		15.814,68							15.814,68	
4	Phòng Văn hóa - Xã hội										6.565,40							6.565,40		6.565,40							6.565,40	
5	Phòng Kinh tế, hạ tầng và Đô thị										1.000,00							1.000,00		1.000,00							1.000,00	
6	Trung tâm Phục vụ hành chính công										336,00							336,00		336,00							336,00	
7	Trường Tiểu học Trà Nóc 2										291,51							291,51		291,51							291,51	
VI	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	-									-							-										



Phụ lục V

DỰ TOÁN CHI THUƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025 SAU KHI ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG

(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Thới An Đông)

Đơn vị: triệu đồng

STT	ĐƠN VỊ	Dự toán sau sáp nhập										Dự toán điều chỉnh, bổ sung										Dự toán sau khi điều chỉnh, bổ sung									
		Tổng số	Chi Giáo dục và Đào tạo	Chi Quốc phòng	Chi an ninh trật tự và an toàn xã hội	Chi văn hóa Thông tin	Chi Phát thanh	Chi Thể dục Thể thao	Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi đảm bảo xã hội	Chi hoạt động kinh tế	Tổng số	Chi Giáo dục và Đào tạo	Chi Quốc phòng	Chi an ninh trật tự và an toàn xã hội	Chi văn hóa Thông tin	Chi Phát thanh	Chi Thể dục Thể thao	Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi đảm bảo xã hội	Chi hoạt động kinh tế	Tổng số	Chi Giáo dục và Đào tạo	Chi Quốc phòng	Chi an ninh trật tự và an toàn xã hội	Chi văn hóa Thông tin	Chi Phát thanh	Chi Thể dục Thể thao	Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi đảm bảo xã hội	Chi hoạt động kinh tế
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21 = 1+11	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	TỔNG CỘNG	107.102	77.568	3.833	3.445	391	65	60	21.281	459		33.147,14							25.581,74	6.565,40	1.000,00	140.249,14	77.568,00	3.833,00	3.445,00	391,00	65,00	60,00	46.862,74	7.024,40	1.000,00
1	Văn phòng Đảng ủy phường	5.164							5.164			4.378,59							4.378,59			9.542,59							9.542,59		
2	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường	5.508							5.508			4.760,96							4.760,96			10.268,96							10.268,96		
3	Văn phòng HĐND và UBND	18.862		3.833	3.445	391	65	60	10.609	459		15.814,68							15.814,68			34.676,68		3.833,00	3.445,00	391,00	65,00	60,00	26.423,68	459,00	
4	Phòng Văn hóa - Xã hội											6.565,40							6.565,40			6.565,40								6.565,40	
5	Phòng Kinh tế, hạ tầng và Đô thị											1.000,00									1.000	1.000,00									1.000,00
6	Trung tâm Phục vụ hành chính công											336,00							336			336,00							336,00		
7	Trường Mầm non Hoa Hồng	3.153	3.153																			3.153,00	3.153,00								
8	Trường Mầm non Thới An Đông	4.014	4.014																			4.014,00	4.014,00								
9	Trường Mầm non Trà An	4.436	4.436																			4.436,00	4.436,00								
10	Trường Tiểu học Trà An	8.439	8.439																			8.439,00	8.439,00								
11	Trường Tiểu học Trà Nóc 2	8.349	8.349									291,51							291,51			8.640,51	8.349,00						291,51		
12	Trường Tiểu học Trà Nóc 4	6.440	6.440																			6.440,00	6.440,00								
13	Trường Tiểu học Thới An Đông 1	7.911	7.911																			7.911,00	7.911,00								
14	Trường Tiểu học Thới An Đông 2	4.790	4.790																			4.790,00	4.790,00								
15	Trường Trung học cơ sở Trà An	19.393	19.393																			19.393,00	19.393,00								
16	Trường Trung học cơ sở Thới An Đông	9.752	9.752																			9.752,00	9.752,00								
17	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ phát sinh đột xuất	891	891																			891,00	891,00								